

Số: 242/2021/QĐST-HNGĐ.

V, ngày 17 tháng 8 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 293/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Quang T, sinh năm 1971;

Bị đơn: Chị Đào Thị Vĩnh H, sinh năm 1972;

Đều trú tại: Số nhà 12, tổ 53, khu L, phường M, thành phố V, tỉnh P;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Phạm Quang T và anh chị Đào Thị Vĩnh H

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về con chung: Giao cháu Phạm Khánh D, sinh ngày 11/10/2003 cho chị Đào Thị Vĩnh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu D cùng chị H là 2.000.000đ/ tháng. Kể từ tháng 8/2021 cho đến khi cháu D thành niên, lao động tự túc được. Cháu Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 21/11/1995 đã trưởng thành có gia đình riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

+ Về tài sản chung: Phạm Quang T và chị Đào Thị Vĩnh H đề nghị Tòa án ghi nhận sự thoả thuận tự phân chia tài sản chung theo biên bản ngày 01 tháng 7 năm 2021, cụ thể:

Anh Toàn được quyền sử dụng và sở hữu tài sản gồm: 01 Thửa số 562-1, tờ bản đồ 12, diện tích 530 m<sup>2</sup>; địa chỉ: Khu C (Nay là khu L), phường M, thành phố V, tỉnh P. Đất đã được UBND thành phố Việt Trì cấp giấy chứng nhận QSD đất, theo Quyết định số: 3559

ngày 05/9/2006 đứng tên Ông Phạm Quang T và Bà Đào Thị Vĩnh H. Trên đất có 01 nhà xây (02 tầng nổi và 1 tầng âm) và 01 nhà để xe ô tô, sân vườn, ao cá, tường rào bao quanh.

Chị Hiền được sử dụng và sở hữu tài sản gồm:

+ Thửa số 393, tờ bản đồ 07, diện tích 72,6 m<sup>2</sup>; địa chỉ: Khu 11 (Nay là khu P), phường G, thành phố V, tỉnh P. Đất đã được UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận QSD đất, theo Quyết định số: 3115/QĐ-UBND, ngày 22/4/2015 đứng tên Ông Phạm Quang T và Bà Đào Thị Vĩnh H. Trên đất có 01 nhà cấp 4 lợp mái tôn.

+ Thửa số 562, tờ bản đồ 12, diện tích 358,0m<sup>2</sup> (trong đó 180m<sup>2</sup> đất ở và 178 m<sup>2</sup> đất vườn); địa chỉ: Khu H (Nay là khu L), phường M, thành phố V, tỉnh P. Đất đã được UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận QSD đất theo Quyết định số: 11295/QĐ-UBND, ngày 26/11/2012 đứng tên Bà Đào Thị Vĩnh H và Ông Phạm Quang T (chị Đào Thị Vĩnh H xác định cho con trai là Phạm Khánh D, sinh ngày 11/10/2003 khi cháu D đến 18 tuổi).

Anh T và chị H không bên nào phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản chung cho nhau. Ngoài những tài sản trên hai bên không đề nghị Tòa án ghi nhận sự phân chia tài sản nào khác nữa.

+ **Về nợ chung, Công sức đóng góp:** Anh Phạm Quang T và chị Đào Thị Vĩnh H xác định không có, nên không đề nghị tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Anh Phạm Quang T tự nguyện xin chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận anh T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000511 ngày 14/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP V;
- Chi cục thi hành án Dân sự TP V;
- UBND phường M;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Đặng Xuân Quân**